

ĐỀ CƯƠNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

Câu 1: Quan hệ giữa “Diễn biến hoà bình” và bạo loạn lật đổ?

- A. *Diễn biến hoà bình là quá trình tạo nên những điều kiện, thời cơ cho bạo loạn lật đổ.*
- B. Diễn biến hoà bình là nguyên nhân của bạo loạn lật đổ.
- C. Diễn biến hoà bình tạo thời cơ cho bạo loạn lật đổ.
- D. Diễn biến hoà bình là quá trình tạo những điều kiện, thời cơ để kẻ thù tiến hành xâm lược.

Câu 2: Từ năm 1950 đến 1975 chủ nghĩa đế quốc dùng hành động gì để tiến công Việt Nam?

- A. *Tiến công bằng quân sự.*
- B. Tiến công trên mặt trận ngoại giao.
- C. Tiến công trên mặt trận chiến tranh.
- D. Tiến công trên mặt trận kinh tế.

Câu 3: Kẻ thù thực hiện thủ đoạn diễn biến hoà bình phá hoại kinh tế của ta nhằm:

- A. *Tạo sức ép để buộc ta phải theo quỹ đạo của chúng.*
- B. Tạo sức ép và có để tiến công quân sự.
- C. Tạo sức ép để buộc ta phải chấp nhận các điều kiện chính trị.
- D. Tạo sức ép để lật đổ hệ thống chính trị.

Câu 4: Thực hiện thủ đoạn “Diễn biến hoà bình” về văn hoá, kẻ thù tập trung tấn công:

- A. Vào truyền thống kinh nghiệm của văn hoá Việt Nam.
- B. Vào những sản phẩm văn hoá quý báu của chúng ta.
- C. Vào nền văn hoá mang bản sắc dân tộc Việt Nam.
- D. *Vào bản sắc văn hoá và giá trị văn hoá của dân tộc Việt Nam.*

Câu 5: Mục tiêu của các thế lực thù địch thực hiện “Diễn biến hoà bình” chống phá cách mạng Việt Nam?

- A. Chuyển hoá nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- B. Xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng và buộc ta lệ thuộc vào chúng.
- C. *Xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xoá bỏ chế độ XHCN.*
- D. Xoá bỏ nhà nước XHCN và buộc ta phải chấp nhận các điều kiện của chúng.

Câu 6: Một trong những mục tiêu phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình” là:

- A. Bảo vệ vững chắc nhà nước XHCN.
- B. Giữ vững ổn định chính trị trên cơ sở độc lập dân tộc.
- C. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của quốc gia, dân tộc.

D. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Câu 7: Một trong những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ là:

- A. Tăng cường quan hệ đối ngoại với các nước, các chế độ chính trị trên thế giới.
- B. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ.**
- C. Tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và các Đảng Cộng sản trên thế giới.
- D. Xây dựng lực lượng chuyên trách để phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ.

Câu 8: Một trong những nội dung kẻ thù thực hiện chống phá ta về chính trị:

- A. Phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân của các tổ chức chính trị.
- B. Chia rẽ nội bộ, kích động gây rối loạn các tổ chức trong xã hội.
- C. Cô lập Đảng, Nhà nước với quân đội và nhân dân.

D. Kích động đòi thực hiện chế độ “Đa nguyên chính trị, đa Đảng đối lập”.

Câu 9: Một trong những nội dung kẻ thù lợi dụng để chống phá cách mạng Việt Nam về vấn đề dân tộc:

- A. Lợi dụng các mâu thuẫn của đồng bào dân tộc để kích động.
- B. Lợi dụng những khó khăn ở vùng đồng bào dân tộc ít người và những tồn tại do lịch sử để lại.**
- C. Lợi dụng các mâu thuẫn giữa các dân tộc do nhiều nguyên nhân gây ra.
- D. Lợi dụng các hủ tục lạc hậu của đồng bào dân tộc để kích động.

Câu 10: Để góp phần làm thất bại chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ cần nắm vững một trong những mục tiêu?

- A. Bảo vệ sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước.
- B. Bảo vệ sản xuất và tính mạng nhân dân.
- C. Bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.
- D. Bảo vệ An ninh Chính trị của đất nước.**

Câu 11: Thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, kẻ thù triệt để lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng ta để:

- A. Truyền bá mê tín dị đoan và tư tưởng phản động chống chủ nghĩa xã hội.
- B. Truyền đạo trái phép nhằm thực hiện âm mưu tôn giáo hoá dân tộc.**
- C. Truyền bá mê tín dị đoan, tập hợp lực lượng để chống phá cách mạng.
- D. Truyền bá mê tín và các tổ chức lực lượng khủng bố.

Câu 12: Một trong những nội dung kẻ thù chống phá về chính trị trong “Diễn biến hoà bình” là:

- A. Phá vỡ hệ thống nguyên tắc tổ chức trong bộ máy Nhà nước ta.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

B. Phá vỡ sự thống nhất các tổ chức, nhất là tổ chức chính trị.

C. *Phá vỡ hệ thống nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ.*

D. Phá vỡ sự thống nhất của các tổ chức chính trị.

Câu 13: Các thế lực thù địch “Lợi dụng vấn đề tôn giáo – dân tộc” để chống phá ta như thế nào?

A. Lợi dụng chính sách bình đẳng, tự do dân chủ của ta.

B. *Lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng, nhà nước ta để truyền đạo trái phép.*

C. Lợi dụng những sai sót, sơ hở của Đảng và nhà nước ta để vu cáo.

D. Triệt để lợi dụng, dân chủ, tự do của ta để tuyên truyền xuyên tạc.

Câu 14: Một trong những nội dung chống phá về chính trị trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

A. Đối lập Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

B. Phủ định chủ nghĩa Mác – Lênin.

C. *Xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ XHCN.*

D. Đối lập nhiệm vụ kinh tế và quốc phòng.

Câu 15: Một trong những nội dung chống phá về kinh tế của chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

A. *Khích lệ kinh tế tư nhân phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước.*

B. Khích lệ kinh tế 100% vốn nước ngoài phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước.

C. Khích lệ kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

D. Khích lệ kinh tế tư bản Nhà nước phát triển, làm mất vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước.

Câu 16: Chống phá ta về tư tưởng – văn hoá trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ nhằm:

A. *Xoá bỏ chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

B. Phá hoại sự đoàn kết của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

C. Phá hoại nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng và Nhà nước ta.

D. Phá hoại, xuyên tạc đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta.

Câu 17: Một trong những thủ đoạn chống phá trên lĩnh vực đối ngoại trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

A. Chia rẽ Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tiến bộ.

B. Chia rẽ Việt Nam với Lào và các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Chia rẽ Việt Nam với Campuchia và các nước tiến bộ.

D. *Chia rẽ Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa.*

Câu 18: Thực hiện diễn biến hoà bình phá hoại về tư tưởng, kẻ thù tập trung tiến công:

- A. Vào truyền thống, tinh thần đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.
- B. Vào truyền thống kinh nghiệm của văn hoá Việt Nam.
- C. Vào nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam.**
- D. Vào những giá trị văn hoá của lịch sử dân tộc Việt Nam.

Câu 19: Trong quá trình bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách để:

- A. Mở rộng quy mô, lực lượng, kêu gọi nước ngoài can thiệp.
- B. Mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng, kêu gọi tài trợ của nước ngoài.**
- C. Mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng, đập phá trụ sở, uy hiếp chính quyền địa phương.
- D. Mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng, đập phá trụ sở, lật đổ chính quyền địa phương.

Câu 20: Bạo loạn lật đổ gồm có những hình thức nào?

- A. Bạo loạn vũ trang, bạo loạn chính trị.
- B. Bạo loạn vũ trang kết hợp với gây rối.
- C. Bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, kết hợp bạo loạn chính trị với vũ trang.**
- D. Bạo loạn chính trị kết hợp với gây rối.

Câu 21: Một trong những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ:

- A. Nâng cao nhận thức về âm mưu phá hoại của kẻ thù.
- B. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân.**
- C. Xây dựng các tổ chức chính trị vững mạnh.
- D. Xây dựng các lực lượng vũ trang, đặc biệt là công an vững mạnh.

Câu 22: Địch thường lợi dụng gây rối để làm gì?

- A. Địch lợi dụng để tập duyệt, phá hoại, gây chiến tranh.
- B. Địch lợi dụng để gây bạo loạn, gây chiến tranh.
- C. Địch lợi dụng tập duyệt hoặc mở màn cho bạo loạn lật đổ.**
- D. Địch lợi dụng để phá hoại, gây rối, mất trật tự an ninh.

Câu 23: Một trong những quan điểm trong đấu tranh phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”:

- A. Là một cuộc đấu tranh dân tộc rất gay go, quyết liệt trên mọi lĩnh vực.
- B. Là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.
- C. Là cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.**
- D. Là một cuộc đấu tranh chính trị giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Câu 24: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ cần phát huy sức mạnh tổng hợp của:

- A. Toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- B. Toàn dân, toàn quân dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- C. Toàn dân, lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- D. Toàn dân, của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.**

Câu 25: Nhiệm vụ phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ được xác định:

- A. Nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, thường xuyên và lâu dài.**
- B. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt.
- C. Nhiệm vụ cơ bản lâu dài.
- D. Nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng nước ta.

Câu 26: Nguyên tắc xử lý khi có bạo loạn diễn ra là:

- A. Nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.**
- B. Nhanh gọn, kiên quyết, triệt để đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.
- C. Nhanh gọn, linh hoạt, khôn khéo đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.
- D. Kiên quyết, linh hoạt, mềm dẻo đúng đối tượng, không để lan rộng, kéo dài.

Câu 27: Một trong những giải pháp phòng chống chiến lược diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ:

- A. Đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá, chống nguy cơ tụt hậu kinh tế.
- B. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt.**
- C. Đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội.
- D. Xây dựng lòng yêu nước cho tuổi trẻ, nhất là học sinh, sinh viên.

Câu 28: Thủ đoạn trên lĩnh vực quốc phòng – an ninh trong chiến lược “Diễn biến hoà bình” là:

- A. Mua chuộc cán bộ cao cấp của quân đội và lực lượng vũ trang.
- B. Phủ nhận vai trò quốc phòng an ninh trong sự nghiệp đổi mới.
- C. Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng – an ninh.**
- D. Chia rẽ quân đội, công an, dân quân tự vệ và bộ đội biên phòng.

Câu 29: Một trong những giải pháp để phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ là:

- A. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng XHCN.**
- B. Tuyên truyền, giáo dục mỗi người dân luôn đề cao tinh thần cảnh giác.
- C. Xây dựng toàn dân tinh thần yêu nước trong giai đoạn hiện nay.
- D. Tuyên truyền, giáo dục toàn dân luôn ý thức tốt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Câu 30: Sinh viên cần làm gì để góp phần làm thất bại chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù:

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

- A. Luôn học tập phần đầu, nâng cao cảnh giác tự bảo vệ mình, bảo vệ nơi mình cư trú.
- B. Luôn nâng cao cảnh giác tích cực tham gia các hoạt động phong trào ở nhà nước và địa phương.
- C. Tích cực học tập, rèn luyện, nâng cao tinh thần cảnh giác CM, phát hiện, đấu tranh, ngăn ngừa.**
- D. Tích cực học tập, rèn luyện tham gia xây dựng thể trận QPAN nhân dân trong mọi tình huống.

Câu 31: Mục đích chống phá về tư tưởng – văn hoá trong chiến lược “Diễn biến hoà bình” là:

- A. Xoá bỏ nền tảng tư tưởng XHCN.
- B. Xoá bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.**
- C. Xoá bỏ sự quản lý điều hành của Nhà nước.
- D. Xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Câu 32: Vũ khí công nghệ cao là:

- A. Loại vũ khí được nghiên cứu, chế tạo có khả năng huỷ diệt phá hoại lớn.
- B. Là loại vũ khí được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo với công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng kỹ chiến thuật.**
- C. Là loại vũ khí được áp dụng chế tạo có hiệu suất chiến đấu cao, khả năng huỷ diệt lớn.
- D. Là loại vũ khí thông minh, khả năng tự động hoá cao, có tính huỷ diệt lớn.

Câu 33: Một trong những điểm yếu của vũ khí công nghệ cao là:

- A. Bay ở tầm thấp và tốc độ chậm dễ bị đối phương theo dõi phát hiện.
- B. Uy lực sát thương quá lớn nên bị thế giới lên án.
- C. Dựa hoàn toàn vào các phương tiện kỹ thuật, dễ bị đối phương đánh lừa.**
- D. Gặp địa hình rừng núi không phát huy được tác dụng.

Câu 34: Nghi binh đánh lừa vũ khí công nghệ cao của địch là:

- A. Lợi dụng môi trường tự nhiên như địa hình, địa vật, rừng để che giấu mục tiêu.
- B. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật giảm bớt đặc trưng ánh sáng, âm thanh, điện từ.
- C. Làm cho mục tiêu của ta gần giống như môi trường xung quanh.
- D. Tạo hiện tượng giả để đánh lừa đối phương.**

Câu 35: Chiến tranh trong tương lai nếu xảy ra địch sẽ sử dụng VKCNC như thế nào?

- A. Sử dụng phương thức tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao là chủ yếu.**
- B. Sử dụng vũ khí công nghệ cao trong giai đoạn đầu khi chưa phát triển khai bộ binh là chủ yếu.
- C. Sử dụng vũ khí công nghệ cao trong giai đoạn thăm dò trinh sát là chủ yếu.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

D. Sử dụng vũ khí công nghệ cao để đánh phá các mục tiêu trọng điểm là chủ yếu.

Câu 36: Một trong những biện pháp chủ động trong phòng chống địch tiến công hoả lực bằng VKCNC là:

- A. Dự địch đánh vào những mục tiêu có giá trị thấp làm chúng tiêu hao lớn.
- B. Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán, có khả năng tác chiến độc lập.
- C. Cơ động phòng tránh nhanh, đánh trả kịp thời chính xác.**
- D. Xây dựng hầm ngầm để tăng khả năng phòng thủ.

Câu 37: Một trong những biện pháp thụ động trong phòng chống địch tiến công hoả lực bằng VKCNC là:

- A. Tổ chức phá hoại hệ thống trinh sát, thông tin, rada của địch.
- B. Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán, có khả năng tác chiến độc lập.**
- C. Nắm chắc thời cơ, cơ động phòng tránh, chủ động đánh địch từ xa.
- D. Đánh vào mắt xích then chốt của hệ thống vũ khí công nghệ cao.

Câu 38: Vũ khí công nghệ cao, có khả năng huy diệt lớn là loại vũ khí nào?

- A. Vũ khí Hạt nhân, Hoá học, Sinh học.**
- B. Vũ khí Hạt nhân, Nhiệt hạch, Vi trùng, Laze.
- C. Vũ khí Hoá học, Vi trùng, Vũ khí sóng điện từ.
- D. Vũ khí Hạt nhân, Nhiệt hạch, Vũ khí vi trùng.

Câu 39: Một trong những biện pháp chủ động trong phòng chống địch tiến công hoả lực bằng VKCNC là:

- A. Che dấu mục tiêu làm hạn chế đặc trưng của mục tiêu ngay từ đầu.
- B. Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán, có khả năng tác chiến độc lập.
- C. Tổ chức tốt việc nghi binh đánh lừa địch.
- D. Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch từ xa, phá thế tiến công của địch.**

Câu 40: Chiến tranh tương lai nếu xảy ra đối với nước ta, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao nhằm:

- A. Mục đích giành quyền làm chủ trên không, làm chủ chiến trường.**
- B. Mục đích giành quyền làm chủ trên biển, làm chủ chiến trường.
- C. Mục đích giành quyền làm chủ trên bộ, làm chủ chiến trường.
- D. Mục đích giành quyền làm chủ rừng núi, làm chủ chiến trường.

Câu 41: Nếu chiến tranh xảy ra trên đất nước ta, địch có thể xuất phát từ:

- A. Biên giới.
- B. Trên biển.
- C. Trên không.
- D. Nhiều hướng.**

Câu 42: Thủ đoạn đánh giá và khả năng sử dụng VKCNC của địch trong chiến tranh?

- A. Tiến công hoả lực bằng VKCNC là biện pháp tác chiến của địch.
- B. Đánh nhanh, thắng nhanh.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

C. Cùng lúc tiến công từ nhiều hướng: Trên bộ, trên biển, trên không.

D. Tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 43: Một trong những điểm mạnh chủ yếu của vũ khí công nghệ cao:

A. Độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn, tầm hoạt động xa.

B. Uy lực sát thương, khả năng huỷ diệt, phá hoại lớn.

C. Có khả năng trinh sát nhanh, tầm bắn xa.

D. Có khả năng huỷ diệt lớn.

Câu 44: Một trong những điểm mạnh chủ yếu của VKCNC là gì?

A. Có khả năng huỷ diệt lớn, tính cạnh tranh cao.

B. Có khả năng huỷ diệt, phá hoại lớn các mục tiêu.

C. Có tầm bắn xa, khả năng tự động hoá cao.

D. Có khả năng nhận biết địa hình và đặc điểm mục tiêu, tự động tìm diệt.

Câu 45: Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ đã sử dụng vũ khí công nghệ cao chưa?

A. Đã sử dụng.

B. Chưa sử dụng.

C. Chuẩn bị sử dụng.

D. Có kế hoạch sử dụng.

Câu 46: Một trong những đặc điểm chính của vũ khí công nghệ cao là gì?

A. Có tầm bắn cao, độ chính xác lớn.

B. Có khả năng huỷ diệt, phá hoại lớn.

C. Hàm lượng tri thức, hiệu suất, kỹ năng tự động hoá cao.

D. Có khả năng huỷ diệt lớn các mục tiêu.

Câu 47: Một trong những biện pháp chủ động phòng chống địch tiến công bằng VKCNC là:

A. Gây nhiễu các trang thiết bị trinh sát của địch làm giảm hiệu quả trinh sát.

B. Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch từ xa.

C. Đánh vào mắt xích then chốt.

D. Dự địch đánh vào những mục tiêu có giá trị thấp làm chúng tiêu hao lớn.

Câu 48: Tác chiến công nghệ cao không thể kéo dài vì:

A. Bảo đảm khó khăn.

B. Không đủ số lượng.

C. Quá tốn kém.

D. Sợ đối phương tiêu diệt.

Câu 49: Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng VKCNC của địch trong chiến tranh:

A. Tiến công hoá lực bằng VKCNC là biện pháp tác chiến của địch.

B. Đánh nhanh, thắng nhanh.

C. Cùng lúc tiến công từ nhiều hướng: Trên bộ, trên biển, trên không.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 50: Để phòng chống trinh sát của địch, nội dung nào thuộc biện pháp thụ động?

- A. *Ngụy trang mục tiêu.*
- B. Tích cực phá hoại hệ thống trinh sát của địch.
- C. Sử dụng tổng hợp nhiều thủ đoạn, gây nhiều chế áp lại địch.
- D. Dùng hỏa lực hoặc xung lực đánh vào những chỗ hiểm yếu.

Câu 51: Khi quân sự sử dụng máy bay hiện đại, dự kiến đánh của ta như thế nào?

- A. Bố trí thế trận chiến tranh nhân dân tập trung đánh vào một số mục tiêu.
- B. *Bố trí thế trận chiến tranh nhân dân, phòng không nhân dân rộng khắp.*
- C. Bố trí các lực lượng phân tán, cơ động đến gần địch đánh trả quyết liệt.
- D. Bố trí thế trận chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân rộng rãi.

Câu 52: Trong chiến tranh công nghệ cao, với những điều kiện xác định, yếu tố nào quyết định sự thắng lợi?

- A. Địa hình, thời tiết.
- B. Trang bị vũ khí – kỹ thuật.
- C. *Con người.*
- D. Nghệ thuật quân sự.

Câu 53: Một trong những biện pháp chủ động trong phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao:

- A. Phòng chống trinh sát của địch khi địch tiến công.
- B. Che giấu mục tiêu khi địch trinh sát.
- C. *Lợi dụng đặc điểm đồng bộ của vũ khí công nghệ cao, đánh vào mắt xích then chốt.*
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 54: Dân quân tự vệ có vai trò gì?

- A. Là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ địa phương cơ sở.
- B. Trong thời bình DQTV là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng kinh tế.
- C. Trong thời chiến DQTV làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.
- D. *Tất cả A, B, C đều đúng.*

Câu 55: Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức như thế nào?

- A. Lực lượng dự bị và lực lượng rộng rãi.
- B. *Lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.*
- C. Lực lượng quân sự và lực lượng an ninh nhân dân.
- D. Lực lượng thường trực và lực lượng đánh địch tại chỗ.

Câu 56: Một trong những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên là phải:

- A. Phát huy sức mạnh của toàn dân tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội.

B. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng mạnh, trình độ kỹ chiến thuật tốt, sẵn sàng chiến đấu cao.

C. Phát huy sức mạnh của bộ, ngành và địa phương.

D. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

Câu 57: Xây dựng lực lượng DBĐV bảo đảm giữa số lượng và chất lượng như thế nào?

A. Số lượng đông, chất lượng cao, phải xây dựng toàn diện.

B. Số lượng đông (đủ), chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm.

C. Xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm.

D. Số lượng hợp lý, chất lượng cao, nhất là chất lượng chính trị.

Câu 58: Một trong những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên là:

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

- A. Bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao toàn diện, rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu cao.
- B. Bảo đảm toàn diện nhưng có trọng điểm chủ yếu xây dựng chất lượng.
- C. Bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm.**
- D. Bảo đảm số lượng đông, chất lượng cao cho những đơn vị sẵn sàng chiến đấu.

Câu 59: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cần chú ý phương châm:

- A. Vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng chính trị.
- B. Vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính.**
- C. Xây dựng toàn diện sẵn sàng chiến đấu cao.
- D. Xây dựng toàn diện, coi trọng chất lượng chính trị là chính.

Câu 60: Dân quân tự vệ đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng vì:

- A. Dân quân tự vệ là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân.**
- B. Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng nhân dân.
- C. Dân quân tự vệ là lực lượng nòng cốt chiến đấu bảo vệ địa phương.
- D. Dân quân tự vệ là lực lượng chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Câu 61: Một trong những nguyên tắc sắp xếp quân dân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên là:

- A. Theo mức độ sức khỏe, theo tuổi đời và theo cư trú.
- B. Theo trình độ chuyên môn, theo hạng, theo cư trú.**
- C. Theo quân hàm, theo chức vụ và theo sức khỏe.
- D. Theo hạng, theo trình độ văn hoá và theo tuổi đời.

Câu 62: Phương châm huấn luyện đối với lực lượng dự bị động viên:

- A. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả tập trung vào khoa học quân sự hiện đại.
- B. Cơ bản, thống nhất coi trọng khâu kỹ thuật tác chiến, phối hợp giữa các lực lượng.
- C. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, sát thực tế chiến đấu tại địa bàn.
- D. Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm.**

Câu 63: Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng như thế nào?

- A. Trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt.**
- B. Trực tiếp về mọi mặt.
- C. Gián tiếp về mọi mặt.
- D. Toàn diện về mọi mặt.

Câu 64: Một biểu hiện của sức mạnh tổng hợp trong xây dựng lực lượng DBĐV là:

- A. Sự chăm lo xây dựng lực lượng dự bị động viên của các địa phương.
- B. Sự chăm lo xây dựng lực lượng dự bị động viên của Bộ, Ngành.

C. Sự chăm lo xây dựng lực lượng dự bị động viên của toàn xã hội.

D. Sự chăm lo xây dựng lực lượng dự bị động viên của Bộ quốc phòng.

Câu 65: Thẩm quyền quyết định và thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng do cơ sở nào quy định?

A. Bộ Quốc phòng.

B. Chủ tịch nước.

C. Chủ tịch Quốc hội.

D. Chính phủ.

Câu 66: Một trong những nội dung xây dựng lực lượng DBĐV là:

A. Tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên.

B. Tạo nguồn, đăng ký, biên chế lực lượng dự bị động viên.

C. Tạo nguồn, đăng ký, tổ chức lực lượng dự bị động viên theo kế hoạch.

D. Tạo nguồn, đăng ký, kiểm tra lực lượng dự bị động viên theo pháp lệnh quy định.

Câu 67: Phương tiện kỹ thuật của lực lượng dự bị động viên gồm những phương tiện nào?

A. Phương tiện vận tải, làm đường, cầu phà, thông tin liên lạc.

B. Phương tiện thông tin liên lạc, y tế, phương tiện vận tải làm đường.

C. Phương tiện vận tải làm đường, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế và một số phương tiện khác.

D. Phương tiện vận tải làm đường, thông tin liên lạc và các thiết bị khoa học công nghệ.

Câu 68: Thực hiện huấn luyện, diễn tập, kiểm tra đối với lực lượng dự bị động viên nhằm:

A. Giúp nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

B. Giúp nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu động viên tham gia mở rộng quân đội.

C. Giúp nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu động viên và tổng động viên khi có lệnh.

D. Giúp lãnh đạo, chỉ huy nắm được thực trạng tổ chức, xây dựng lực lượng dự bị động viên.

Câu 69: Nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dự bị động viên nhằm đạt mục đích?

A. Duy trì sức mạnh chiến đấu của LLDBĐV đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

B. Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo và tăng cường chất lượng cho lực lượng vũ trang nhân dân.

C. Bảo đảm sức mạnh của quân đội, đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

D. Hoàn thiện và tăng cường số lượng, chất lượng cho lực lượng vũ trang khi có chiến tranh.

Câu 70: Dân quân tự vệ được tổ chức thành 2 lực lượng là:

- A. Lực lượng cơ động và lực lượng rộng rãi.
- B. Lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.**
- C. Lực lượng quân sự và lực lượng an ninh nhân dân.
- D. Lực lượng cơ động tại chỗ đánh địch và lực lượng dự bị.

Câu 71: Huấn luyện quân sự đối với dân quân tự vệ bao gồm những đối tượng nào?

- A. Toàn thể cán bộ, công nhân viên các ngành, các cấp.
- B. Toàn thể cán bộ dân quân tự vệ.
- C. Toàn thể cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ.**
- D. Toàn thể cán bộ, Đảng viên, dân quân tự vệ.

Câu 72: Nội dung giáo dục chính trị đối với dân quân tự vệ là gì?

- A. Giáo dục truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù.**
- B. Giáo dục âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá nước ta.
- C. Giáo dục cho mọi người nâng cao tinh thần cảnh giác.
- D. Giáo dục âm mưu và ý chí đánh giặc giữ nước cho người dân.

Câu 73: Độ tuổi của công dân Việt Nam tham gia lực lượng dân quân tự vệ là:

- A. Đủ 18 tuổi đến 42 tuổi cho nam công dân; đủ 18 tuổi đến 35 tuổi cho nữ công dân.
- B. Đủ 18 tuổi đến 42 tuổi cho nam công dân; đủ 18 tuổi đến hết 30 tuổi cho nữ công dân.
- C. Đủ 20 tuổi đến 45 tuổi cho nam công dân; đủ 20 tuổi đến hết 35 tuổi cho nữ công dân.
- D. Đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi cho nam công dân; đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi cho nữ công dân.**

Câu 74: Một trong những nội dung xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ hiện nay là:

- A. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ coi trọng chất lượng chính trị.
- B. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ toàn diện.
- C. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ toàn diện có sức chiến đấu cao.
- D. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ coi chất lượng là chính.**

Câu 75: Dân quân tự vệ được xác định là lực lượng như thế nào trong nền quốc phòng toàn dân:

- A. Dân quân tự vệ là lực lượng cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.
- B. Dân quân tự vệ là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.**

- C. Dân quân tự vệ là lực lượng xung kích trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.
- D. Dân quân tự vệ là lực lượng xung kích trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Câu 76: Lãnh thổ quốc gia là?

- A. *Phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia.*
- B. Phạm vi không gian bao gồm vùng đất và vùng nước, vùng biển.
- C. Phạm vi không gian giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ.
- D. Một phần của trái đất bao gồm vùng đất và vùng trời của quốc gia.

Câu 77: Việt Nam có đường biên giới dài bao nhiêu km?

- A. **4550 km.**
- B. 4500 km.
- C. 5450 km.
- D. 4450 km.

Câu 78: Lãnh thổ quốc gia được cấu thành bởi các bộ phận sau:

- A. Vùng đất, vùng nước, vùng trời thuộc lãnh thổ quốc gia.
- B. Vùng đất, vùng nước, nội địa và vùng nội thủy.
- C. **Vùng đất, vùng nước, vùng trời và lãnh thổ quốc gia đặc biệt.**
- D. Vùng đất, vùng lãnh hải và vùng trời.

Câu 79: Vùng nội thủy của lãnh thổ quốc gia:

- A. Là vùng nước được giới hạn bởi một bên là bờ biển và một bên khác là lãnh hải.
- B. **Là vùng nước biển nằm ở phía trong đường cơ sở.**
- C. Là vùng nước nằm ở bên ngoài đường cơ sở.
- D. Là vùng nước được giới hạn bởi cơ sở và đường biên giới trên biển.

Câu 80: Việt Nam có đường bờ biển dài bao nhiêu km?

- A. 3620 km.
- B. 2360 km.
- C. **3260 km.**
- D. 3206 km.

Câu 81: Vùng nước lãnh hải của lãnh thổ quốc gia:

- A. Là vùng biển nằm bên ngoài và tiếp liền với vùng tiếp giáp lãnh hải.
- B. **Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở.**
- C. Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở vào trong.
- D. Là vùng biển nằm bên ngoài vùng nội thủy có chiều rộng 24 hải lý.

Câu 82: Tàu thuyền của các quốc gia khác có được đi lại trong vùng lãnh hải của VN không?

- A. Không được phép đi lại.

- B. Được phép đi lại tự do.
- C. Được phép đi lại khi chính phủ Việt Nam cho phép.

D. Được phép đi lại không gây hại.

Câu 83: Thế nào là chủ quyền quốc gia?

- A. Là quyền tối cao của một quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của mình.
- B. Là quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về lập pháp, hành pháp và tư pháp.**
- C. Là quyền thiêng liêng mọi vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội do quốc gia quyết định.
- D. Là quyền tự quyết định mọi vấn đề đối nội, đối ngoại của quốc gia.

Câu 84: Tác dụng của đường biên giới quốc gia trên biển?

- A. Phân định lãnh thổ trên biển cho tất cả các quốc gia.
- B. Là ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế.
- C. Là ranh giới phía ngoài của thềm lục địa.
- D. Phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau.**

Câu 85: Đặc trưng cơ bản, quan trọng nhất của một quốc gia là gì?

- A. Quyền lực công cộng nhà nước.
- B. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia.
- C. Chủ quyền quốc gia.**
- D. Hoà bình, độc lập, tự chủ.

Câu 86: Thế nào là chủ quyền lãnh thổ quốc gia?

- A. Là quyền tối cao, tuyệt đối, riêng biệt đối với quốc gia trên vùng lãnh thổ của mình.
- B. Là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, quyết định mọi vấn đề của quốc gia trên vùng lãnh thổ của mình.
- C. Là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền làm chủ của quốc gia đó trên vùng lãnh thổ của mình.**
- D. Là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, là quyền quyết định mọi vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Câu 87: Vùng nội thủy có chế độ pháp lý như thế nào?

- A. Như lãnh thổ trên đất liền.**
- B. Như vùng thềm lục địa.
- C. Như vùng đặc quyền kinh tế.
- D. Câu B, C đúng.

Câu 88: Biên giới quốc gia trên không được xác định độ cao như thế nào?

- A. Độ cao 100km.
- B. Độ cao ngang bầu khí quyển.
- C. Độ cao tàu vũ trụ.

D. Chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể.

Câu 89: Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia:

- A. Xây dựng và phát triển nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
- B. Xây dựng và phát triển nền kinh tế kết hợp với quốc phòng – an ninh.
- C. Xác lập và bảo vệ quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên mọi mặt.**
- D. Kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị.

Câu 90: Biên giới quốc gia được cấu thành bởi bộ phận nào sau đây?

- A. Biên giới quốc gia trên đất liền.
- B. Biên giới quốc gia trên biển.
- C. Biên giới quốc gia trên không và trong lòng đất.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.**

Câu 91: Biên giới quốc gia được cấu thành bởi bộ phận nào sau đây?

- A. Biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển và trên không.
- B. Biên giới quốc gia trong lòng đất và trên biển.
- C. Biên giới quốc gia trên không, trên biển và trong lòng đất.
- D. Biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất.**

Câu 92: Biên giới quốc gia của Việt Nam được xác định bằng yếu tố nào?

- A. Hệ thống các mốc quốc giới trên đất liền, các mốc quốc giới trên biển.
- B. Hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa, các toạ độ trên hải đồ.**
- C. Hệ thống các đường biên giới, các toạ độ trên hải đồ.
- D. Hệ thống các mốc quốc giới trên đất liền bằng các toạ độ.

Câu 93: Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là:

- A. Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
- B. Bảo vệ lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới.
- C. Bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.**

Câu 94: Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là:

- A. Tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại và các nước láng giềng và trên thế giới.
- B. Tăng cường hợp tác với các nước trên thế giới vì hoà bình, ổn định và phát triển lâu dài.
- C. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế, văn hoá, xây dựng lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc.
- D. Tăng cường hợp tác nhiều mặt nhằm xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài.**

Câu 95: Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là:

- A. Phối hợp với các nước trong khu vực ngăn chặn mọi âm mưu gây bạo loạn lật đổ của kẻ thù.

B. Phối hợp với các nước, đấu tranh ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết hữu nghị.

C. Phối hợp chặt chẽ giữa chống giặc ngoài và dẹp thù trong để bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

D. Phối hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội.

Câu 96: Một trong những quan điểm của Đảng về xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, BGQG:

A. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một bộ phận rất quan trọng của Nhà nước Việt Nam.

B. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản nhất cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

C. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam.

D. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Câu 97: Quan điểm xây dựng biên giới hoà bình hữu nghị, ổn định của Đảng và Nhà nước ta thể hiện:

A. Là vấn đề quan trọng, cơ bản và lâu dài trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta.

B. Là quan điểm nhất quán trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

C. Là quan điểm nhất quán phù hợp với lợi ích, hợp pháp của Việt Nam và công ước quốc tế.

D. Là xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định phù hợp với đường lối đối ngoại của nước ta.

Câu 98: Để xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Mọi công dân Việt Nam phải:

A. Có nghĩa vụ tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

B. Có nghĩa vụ, trách nhiệm tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

C. Có trách nhiệm tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

D. Tất cả các câu đều đúng.

Câu 99: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới:

A. Vừa hợp tác vừa đấu tranh trong phạm vi lãnh thổ quốc gia của mình.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

- B. *Thương lượng hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nhau.*
- C. Bằng con đường ngoại giao trên tinh thần bình đẳng đôi bên cùng có lợi.
- D. Kết hợp nhiều biện pháp kể cả biện pháp đe dọa sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp.

Câu 100: Về vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, quan điểm nhất quán của Việt Nam là gì?

- A. *Việt Nam khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.*
- B. Việt Nam khẳng định chủ quyền tuyệt đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- C. Việt Nam khẳng định chủ quyền hoàn toàn tuyệt đối với vùng biển, đảo trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- D. Việt Nam khẳng định chủ quyền thiêng liêng hoàn toàn không cãi đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông.

Câu 101: Giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn với quá trình nào?

- A. Xoá bỏ xã hội cũ, tiến hành đổi mới toàn diện xã hội.
- B. Xây dựng xã hội mới, đồng thời tiến hành đổi mới toàn diện xã hội.
- C. *Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới – xã hội chủ nghĩa.*
- D. Cải tạo xã hội cũ, tiến hành đổi mới toàn diện xã hội.

Câu 102: Theo quan điểm của CN Mác – Lênin giải quyết vấn đề dân tộc như thế nào?

- A. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.
- B. Các dân tộc được quyền tự quyết.
- C. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.
- D. *Tất cả A, B, C đều đúng.*

Câu 103: Một trong những nội dung giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của Lênin:

- A. Các dân tộc phải phân chia đẳng cấp rõ ràng.
- B. *Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.*
- C. Các dân tộc phải tự trị ly khai.
- D. Các dân tộc phải có nền văn hoá chung.

Câu 104: Đồng bào các dân tộc Jrai, Êđê, BaNa sinh sống chủ yếu ở khu vực nào?

- A. *Các tỉnh Tây Nguyên.*
- B. Các tỉnh miền núi tiếp giáp biên giới.
- C. Các tỉnh Nam Trung Bộ.
- D. Các tỉnh miền núi phía Bắc.

Câu 105: Quan hệ dân tộc, sắc tộc hiện nay trên thế giới vẫn diễn ra phức tạp ở phạm vi:

- A. Châu Phi và châu Mỹ Latinh.
- B. Châu Á và châu Âu.
- C. Các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Quốc gia, khu vực và quốc tế.**

Câu 106: Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, về nội dung giải quyết vấn đề dân tộc như thế nào?

- A. Phải toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng.
- B. Phải xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.**
- C. Phải xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc Việt Nam với các quốc gia, dân tộc trên thế giới.
- D. Phải bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ cùng phát triển.

Câu 107: Một trong những đặc trưng của các dân tộc ở Việt Nam là:

- A. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú du canh, du cư.
- B. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú tập trung.
- C. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú ở rừng núi.
- D. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ.**

Câu 108: Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, cần chống các biểu hiện gì?

- A. Tư tưởng dân tộc lớn, Kì thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc.**
- B. Thiếu hiểu biết các phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam.
- C. Lợi dụng vấn đề dân tộc đòi tự trị gây mất ổn định chính trị.
- D. Lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 109: Một trong những đặc trưng của các dân tộc ở Việt Nam là:

- A. Các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển cao.
- B. Các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển còn hạn chế.
- C. Các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều.**
- D. Các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển đồng đều.

Câu 110: Xu thế lớn trong mối quan hệ giữa các dân tộc trên thế giới trong giai đoạn hiện nay:

- A. Toàn cầu hoá diễn biến phức tạp.
- B. Hoà bình hợp tác và phát triển.**
- C. Xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang.
- D. Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, chống can thiệp.

Câu 111: Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo:

- A. Trào lưu của xã hội phù hợp với tư tưởng, tình cảm, niềm tin của con người.
- B. Quy luật phát triển của đời sống xã hội, được mọi người tin tưởng tham gia.**

C. Quan niệm hoang đường, ảo tưởng, phù hợp với tâm lý, hành vi của con người.

D. Chuẩn mực đạo đức, truyền thống được con người tiếp nhận tin theo.

Câu 112: Tôn giáo là gì?

A. Là một hình thức ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường.

B. Là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường.

C. Là một hình thái phản ánh ý thức xã hội, hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường.

D. Là sự nhận thức, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan điểm hoang đường.

Câu 113: Tôn giáo có nguồn gốc từ các yếu tố:

A. Kinh tế - xã hội, ý thức và hành vi.

B. Chính trị xã hội, tinh thần và tâm lý.

C. Kinh tế - xã hội, nhận thức và tâm lý.

D. Chính trị - xã hội, kinh tế và tinh thần.

Câu 114: Xung đột giữa các tôn giáo thể hiện tính chất gì của tôn giáo?

A. Tính lịch sử.

B. Tính quần chúng.

C. Tính chính trị.

D. Tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 115: Tôn giáo có những tính chất gì?

A. Tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.

B. Tính kế thừa, tính phát triển, tính toàn diện.

C. Tính chọn lọc, tính bổ sung, tính phát triển.

D. Tính kế thừa, tính xây dựng, tính phục vụ.

Câu 116: Khi nào thì tôn giáo mất đi?

A. Khi những nguồn gốc sinh ra tôn giáo mất đi.

B. Khi con người làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và tư duy.

C. Khi chế độ CNXH được xây dựng thành công trên phạm vi toàn thế giới.

D. Tôn giáo không bao giờ mất đi.

Câu 117: Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN là:

A. Quán triệt quan điểm tôn trọng luật pháp.

B. Quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể.

C. Quán triệt quan điểm tôn trọng quần chúng.

D. Quán triệt quan điểm tôn trọng giáo lý.

Câu 118: Một trong những nguyên nhân làm cho tôn giáo tiếp tục tồn tại và phát triển là gì?

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

- A. Con người còn phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học kỹ thuật.
- B. Con người vẫn chưa làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và tư duy.**
- C. Do thiên tai, sóng thần, động đất,... ảnh hưởng đến đời sống xã hội.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 119: Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo ở Việt Nam là:

- A. Vận động quần chúng sống “kính chúa yêu nước”.
- B. Vận động quần chúng sống “phúc âm trong lòng dân tộc”.
- C. Vận động quần chúng sống “tốt đời, đẹp đạo”.**
- D. Vận động quần chúng sống “từ bi, bác ái”.

Câu 120: “Tình cảm, cảm xúc, tâm trạng lo âu, sợ hãi,... đã dẫn con người đến sự khước phục”. Nội dung này muốn nói đến nguồn gốc nào của tôn giáo?

- A. Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo.
- B. Nguồn gốc kinh tế - xã hội.
- C. Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo.**
- D. Nguồn gốc nhận thức, tâm lý.

Câu 121: Để vô hiệu hoá sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam, giải pháp chung cơ bản nhất là:

- A. Thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.
- B. Thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế - xã hội.**
- C. Thực hiện tốt chính sách xoá đói, giảm nghèo.
- D. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa.

Câu 122: Một trong những giải pháp cơ bản đấu tranh phòng chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo là:

- A. Chú trọng công tác giáo dục thuyết phục đối với các già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo.
- B. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn đối phó có hiệu quả đối với những lực lượng phản động. Tạo mọi điều kiện cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đối với đất nước.
- C. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo.**
- D. Tạo mọi điều kiện cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đối với đất nước.

Câu 123: Bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.**
- B. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh các hành động gây rối của kẻ thù.
- C. Bảo vệ bí mật Nhà nước các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.
- D. Bảo vệ các công trình, cơ sở chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế khoa học công nghệ của Nhà nước.

Câu 124: Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A. Phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các lực lượng phản động xâm phạm an ninh quốc gia.
- B. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.**
- C. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn mọi âm mưu, hành động gây BLLĐ của các thế lực thù địch.
- D. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn xâm phạm biên giới quốc gia của các thế lực thù địch.

Câu 125: Các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A. Vận động quần chúng.
- B. Kinh tế, vũ trang.
- C. Ngoại giao, nghiệp vụ, pháp luật.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.**

Câu 126: Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. Bảo vệ an ninh biên giới, văn hoá, thông tin, tôn giáo.
- B. Bảo vệ bí mật các tổ chức chính trị - xã hội và các công trình quốc phòng – an ninh.
- C. Bảo vệ bí mật của Nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.**
- D. Bảo vệ bí mật các cấp chính quyền, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Câu 127: Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. Bảo vệ an ninh tư tưởng văn hoá, khối đại đoàn kết dân tộc, quyền lợi của nhân dân.
- B. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN, sự quản lý thống nhất của nhà nước.**
- C. Phòng ngừa phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại, loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.
- D. Bảo vệ bí mật của Nhà nước và các mục tiêu quan trọng.

Câu 128: Bảo vệ an ninh quốc gia cần tuân thủ những nguyên tắc là gì?

- A. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, đảm bảo lợi ích của nhà nước, của các tổ chức và cá nhân.
- B. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ ANQG với nhiệm vụ XD phát triển KT-VH, XH.
- C. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của nhà nước.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.**

Câu 129: Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. Kết hợp bảo vệ chế độ chính trị với bảo vệ độc lập chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.

- B. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá – xã hội.**
- C. Kết hợp bảo vệ các cơ sở kinh tế với công trình an ninh – quốc phòng, khoa học kỹ thuật, văn hoá.
- D. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ công trình quốc phòng – an ninh.

Câu 130: Trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội thì Công an nhân dân được xác định là lực lượng như thế nào?

- A. Lực lượng chủ yếu.
- B. Lực lượng nòng cốt.**
- C. Lực lượng quan trọng.
- D. Lực lượng chức năng.

Câu 131: Một trong những cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia là:

- A. Công an, quân đội, bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ, dự bị động viên.
- B. Công an, bộ đội chủ lực, bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ và tình báo quân đội nhân dân.
- C. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị bảo vệ an ninh quân đội, tình báo quân đội nhân dân.**
- D. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy công an, bộ đội hải quân, cảnh sát biển.

Câu 132: Cơ quan chuyên trách bảo vệ ANQG ở khu vực biên giới trên đất liền và trên biển:

- A. Bộ đội biên giới, Cảnh sát biển.
- B. Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát nhân dân.
- C. Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển.**
- D. Lực lượng kiểm ngư, lực lượng biên phòng.

Câu 133: Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia gồm:

- A. Bảo vệ an ninh: chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, Đảng, Nhà nước, nhân dân.
- B. Bảo vệ an ninh: kinh tế, văn hoá – tư tưởng, dân tộc và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. Bảo vệ an ninh: kinh tế, tôn giáo, dân tộc và nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
- D. Bảo vệ an ninh: chính trị nội bộ, kinh tế, văn hoá tư tưởng, dân tộc, tôn giáo, biên giới, thông tin.**

Câu 134: Trong các lĩnh vực về an ninh quốc gia thì lĩnh vực nào là quan trọng nhất?

- A. Quốc phòng.
- B. Tư tưởng – văn hoá.
- C. Chính trị.**
- D. Đối ngoại.

Câu 135: Trong công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội, lực lượng nào làm nòng cốt?

- A. Công an nhân dân.
- B. Quân đội nhân dân.
- C. Quần chúng nhân dân.
- D. Lực lượng vũ trang.

Câu 136: Một trong những nội dung giữ gìn trật tự an toàn xã hội là:

- A. Bảo vệ môi trường.
- B. Bảo vệ an ninh thông tin.
- C. Bảo vệ nền kinh tế thị trường nhiều thành phần.
- D. Bảo vệ nền văn hoá.

Câu 137: Bảo vệ trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ của ai?

- A. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân lực lượng Công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt.
- B. Toàn Đảng, toàn dân, lực lượng Công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt.
- C. Toàn dân, lực lượng Công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt.
- D. Công an, an ninh và lực lượng vũ trang nhân dân.

Câu 138: Hiện nay Việt Nam ta khẳng định đối tác là:

- A. Những quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức phi Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam.
- B. Những nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển giúp đỡ Việt Nam.
- C. Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền và hợp tác bình đẳng cùng có lợi với Việt Nam.
- D. Những tổ chức, cá nhân tôn trọng giúp đỡ Việt Nam.

Câu 139: Người có hành vi phạm tội đến tài sản, đến tính mạng sức khoẻ... thuộc đối tượng nào?

- A. Đối tượng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội.
- B. Đối tượng xâm phạm an toàn xã hội.
- C. Đối tượng xâm phạm an ninh trật tự, xã hội.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 140: Người có hành vi hoạt động điều tra thu nhập thông tin theo chỉ đạo của nước ngoài để chống lại nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, thuộc đối tượng nào?

- A. Phản động,
- B. Gián điệp.
- C. Tội phạm an ninh quốc gia.
- D. Tội phạm hình sự.

Câu 141: Đối tượng xâm phạm đến an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay là:

- A. Bọn tội phạm kinh tế, hình sự.

B. Bọn gián điệp, bọn phản động.

C. Các đối tượng xâm phạm về trật tự an toàn xã hội.

D. Các phần tử có tư tưởng sai trái, bất mãn, chống chủ nghĩa xã hội.

Câu 142: “Ngăn chặn các hoạt động truyền bá văn hoá phẩm phản động, đồi trụy...” thuộc nội dung nào trong bảo vệ an ninh quốc gia?

A. Bảo vệ an ninh dân tộc.

B. Bảo vệ an ninh thông tin.

C. Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng.

D. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.

Câu 143: Một trong những quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội:

A. Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt bảo vệ an ninh quốc gia.

B. Công an là lực lượng nòng cốt, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước.

C. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc.

D. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Câu 144: Trách nhiệm đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

A. Là trách nhiệm của tất cả mọi người khi đi ô tô, xe máy.

B. Trách nhiệm của tất cả mọi người khi tham gia giao thông.

C. Là trách nhiệm của mọi công dân nước cộng hoà XHCNVN.

D. Là trách nhiệm của Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông.

Câu 145: Bảo vệ các cơ quan đại diện, cán bộ, sinh viên và người lao động Việt Nam ở nước ngoài thuộc nội dung nào trong bảo vệ an ninh quốc gia?

A. Bảo vệ an ninh dân tộc.

B. Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng.

C. Bảo vệ an ninh kinh tế.

D. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.

Câu 146: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội?

A. Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

B. Quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia.

C. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

D. Cả A, C đều đúng.

Câu 147: Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có tác dụng:

A. Giúp cho lực lượng công an có điều kiện để triển khai sâu rộng các mặt công tác nghiệp vụ.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

- B. Giúp lực lượng công an có điều kiện tuyên truyền pháp luật về phòng chống tội phạm.
- C. Giúp lực lượng công an có điều kiện tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng.
- D. *Giúp lực lượng công an nắm vững thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm.***

Câu 148: Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc?

- A. Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp xã hội.
- B. Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng có sự khác nhau ở các địa bàn.
- C. Gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và nhà nước.
- D. *Tất cả A, B, C đều đúng.***

Câu 149: Quan điểm của CN Mác – Lê nin về vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ ANTQ:

- A. Là người có vai trò to lớn.
- B. *Là người làm nên lịch sử.***
- C. Là một bộ phận quan trọng.
- D. Là lực lượng nòng cốt của phong trào.

Câu 150: Mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự:

- A. Giúp cho lực lượng công an có điều kiện triển khai sâu rộng công tác nghiệp vụ phòng chống tội phạm.
- B. *Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng phát hiện ngăn chặn, đấu tranh với các loại tội phạm.***
- C. Trực tiếp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, ngăn chặn các tệ nạn xã hội.
- D. Huy động sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội để phòng chống tội phạm.

Câu 151: Giữa các phong trào hành động cách mạng của nhân dân với phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc có mối quan hệ như thế nào?

- A. *Quan hệ khăng khít, tác động hỗ trợ qua lại lẫn nhau.***
- B. Mỗi phong trào có một nhiệm vụ riêng.
- C. Độc lập đề thực hiện.
- D. Chỉ ràng buộc về mặt chính quyền.

Câu 152: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh tổ quốc:

- A. Trong bầu trời không có gì quý bằng dân.
- B. Dân là gốc, nâng thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân.
- C. Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong.
- D. *Quần chúng nhân dân là người làm nên lịch sử, quyết định sự phát triển của xã hội.***

Câu 153: Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ là:

- A. Vận động toàn dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.
- B. Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.**
- C. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với an ninh ở địa phương, đơn vị.
- D. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với bài trừ tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu.

Câu 154: Đối tượng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

- A. Công an, quân đội, sinh viên.
- B. Mọi người, tầng lớp trong xã hội.**
- C. Công an nhân dân, cảnh sát nhân dân.
- D. Lực lượng dân quân ở địa phương.

Câu 155: Một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ:

- A. Nắm tình hình xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc.
- B. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- C. Tuyên truyền hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- D. Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh.**

Câu 156: Câu nói “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân” là của ai?

- A. Nguyễn Trãi.
- B. Chủ tịch Hồ Chí Minh.**
- C. Lê nin.
- D. Khổng Tử.

Câu 157: Một trong những phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- A. Xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh.
- B. Xây dựng mở rộng liên kết, phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể.
- C. Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.**
- D. Nắm tình hình và vận động toàn dân tích hợp tham gia phong trào bảo vệ an ninh trật tự, ATXH.

Câu 158: Hình thức hoạt động của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ như thế nào?

- A. Tự giác có tổ chức của đông đảo quần chúng nhân dân.**

- B. Tự giác của đông của đông đảo quần chúng nhân dân.
- C. Có tổ chức của đông đảo quần chúng nhân dân.
- D. Tự phát ở một số bộ phận quần chúng nhân dân.

Câu 159: Một trong những phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ:

- A. *Tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh – trật tự.*
- B. Xây dựng mở rộng liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể.
- C. Xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.
- D. Tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn nhân dân xây dựng đời sống văn hoá tại khu dân cư.

Câu 160: Một trong những nội dung của kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ là:

- A. Gửi văn bản dự thảo kế hoạch đến tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia góp ý, bổ sung.
- B. *Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể phải đạt được của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.*
- C. Tiếp thu ý kiến của tập thể, tiến hành nghiên cứu bổ sung kế hoạch phát động toàn dân BVTQ.
- D. Đảm bảo đủ nội dung, đúng quy tắc và thể thức văn bản quản lý nhà nước.

Câu 161: Hình thức hoạt động Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là gì?

- A. Vừa tự giác, vừa bắt buộc.
- B. Bắt buộc.
- C. *Tự giác, có tổ chức.*
- D. Tự giác là chính.

Câu 162: Một trong những phương pháp tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là:

- A. *Triệt để khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng.*
- B. Tuyên truyền giáo dục nhân dân xây dựng đời sống văn hoá.
- C. Vận động nhân dân chấp hành giao thông, trật tự công cộng.
- D. Xây dựng cụm dân cư có nếp sống văn hoá, thuần phong mỹ tục.

Câu 163: Phương pháp xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt trong phong trào bảo vệ ANTQ:

- A. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng được xây dựng.
- B. Đề xuất cấp uỷ, chính quyền ra quyết định thành lập tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.
- C. Xác định hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng.

D. Tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 164: Để nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào bảo vệ ANTQ cần làm các công việc:

- A. Lựa chọn điển hình tiên tiến.
- B. Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến.
- C. Bồi dưỡng điển hình tiên tiến.

D. Cả A, B đều đúng.

Câu 165: Nội dung, yêu cầu xây dựng các tổ chức quần chúng làm nòng cốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

- A. Lựa chọn đội ngũ cán bộ đương chức có quyền hành, có năng lực.
- B. Lựa chọn người có uy tín, năng lực được quần chúng tin nhiệm.**
- C. Lựa chọn đội ngũ cán bộ là các cựu chiến binh, công an.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 166: Một trong những nội dung nắm tình hình trong phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

- A. Vị trí địa lý, địa bàn, dân cư, phong tục tập quán, nghề nghiệp, vấn đề tôn giáo, dân tộc có liên quan.**
- B. Vị trí địa lý, địa bàn, vùng dân cư, tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội có liên quan.
- C. Đi sát cơ sở tiếp xúc, gặp gỡ, thu thập ý kiến nắm tình hình liên quan đến an ninh chính trị.
- D. Trực tiếp khảo sát điều tra hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân.

Câu 167: Ý nghĩa của việc trang bị kiến thức toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cho sinh viên:

- A. Giúp sinh viên hiểu biết và tự hào về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
- B. Giúp sinh viên nắm chắc phong trào để áp dụng khi ra trường.
- C. Giúp sinh viên nắm được vị trí, vai trò của phong trào, nêu cao tinh thần trách nhiệm.**
- D. Giúp sinh viên củng cố kiến thức về quốc phòng – an ninh.

Câu 168: Một trong những phương pháp nắm tình hình xây dựng kế hoạch phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

- A. Đi sát cơ sở nắm tình hình kinh tế, văn hoá – xã hội trên từng địa bàn dân cư.
- B. Đi sát cơ sở, trực tiếp gặp gỡ, thu thập ý kiến của các tổ chức, các tầng lớp dân cư khác nhau.**
- C. Trực tiếp điều tra hoạt động của các tổ chức quần chúng nhân dân.
- D. Nắm tình hình quần chúng chấp hành đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Câu 169: Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ:

- A. *Đây là một nhiệm vụ quan trọng sinh viên tự giác tham gia.*
- B. Đây là nhiệm vụ chủ yếu mà bắt buộc sinh viên phải tham gia.
- C. Đây là phong trào sinh viên không nhất thiết phải tham gia.
- D. Đây là phong trào sinh viên tổ chức tham gia.

Câu 170: Trong phòng chống tội phạm thì:

- A. Phòng ngừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- B. Phòng ngừa mang ý nghĩa kinh tế sâu sắc, tiết kiệm tiền của Nhà nước và của nhân dân.
- C. Phòng ngừa mang tính đồng bộ, hệ thống kết hợp giữa nhà nước với tổ chức xã hội và công dân.
- D. *Phòng ngừa là phương hướng chính, là tư tưởng chỉ đạo, phòng ngừa không để tội phạm xảy ra.*

Câu 171: Mục đích của phòng chống tội phạm:

- A. Là tìm ra các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội.
- B. Là ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm.
- C. *Là khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội.*
- D. Là kiên quyết triệt để thủ tiêu tội phạm.

Câu 172: Có mấy nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm?

- A. 9 nguyên nhân.
- B. 10 nguyên nhân.
- C. *11 nguyên nhân.*
- D. 8 nguyên nhân.

Câu 173: Tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm có mấy nguyên tắc chính?

- A. 6 nguyên tắc.
- B. *7 nguyên tắc.*
- C. 8 nguyên tắc.
- D. 9 nguyên tắc.

Câu 174: Công dân với tư cách là chủ thể trong phòng chống tội phạm phải:

- A. *Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong hiến pháp.*
- B. Tích cực, chủ động, đấu tranh với các loại tội phạm.
- C. Tham gia nhiệt tình có hiệu quả vào các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm.
- D. Trực tiếp làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ở địa phương.

Câu 175: Làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm có ý nghĩa kinh tế gì?

- A. *Tiết kiệm ngân sách, sức lao động của nhân viên nhà nước, của công dân.*

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

- B. Bảo đảm cho nhân dân được an tâm tham gia lao động sản xuất.
- C. Không cần phải tổ chức lực lượng phòng chống tội phạm tồn kém.
- D. Không cần giải quyết các vấn đề liên quan đến phòng chống tội phạm.

Câu 176: Trong các cơ quan, đơn vị dưới đây, cơ quan nào là cơ quan bảo vệ pháp luật?

- A. Công an, quân đội, toà án quân sự.
- B. Công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển.
- C. Cảnh sát giao thông, kiểm soát quân sự, công an khu vực.
- D. Công an, viện kiểm soát, toà án.**

Câu 177: Công tác phòng chống tội phạm là nhiệm vụ của những chủ thể nào?

- A. Nhà nước cùng các ngành, các tổ chức đoàn thể và công dân.**
- B. Công an nhân dân, Quân đội nhân dân.
- C. Quốc hội và Ủy ban nhân dân các cấp.
- D. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Câu 178: Trong phòng chống tội phạm thì phòng ngừa chung là:

- A. Tổng hợp tất cả các biện pháp về chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật và giáo dục.**
- B. Tổng hợp tất cả các biện pháp về chính trị tư tưởng, kinh tế xã hội và xây dựng nếp sống văn hoá.
- C. Tổng hợp tất cả các biện pháp về tuyên truyền, xây dựng đạo đức, lối sống kết hợp với phát triển kinh tế.
- D. Tổng hợp tất cả các biện pháp về tuyên truyền giáo dục, kết hợp cưỡng bức và phạt tù theo luật.

Câu 179: Nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm là:

- A. Nhà nước quản lý, kết hợp chủ động phòng ngừa với chủ động liên tục tấn công.
- B. Tuân thủ pháp luật, phối hợp và cụ thể.
- C. Dân chủ, nhân đạo, khoa học và tiến bộ.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.**

Câu 180: Công tác phòng chống tội phạm cần tiến hành theo hướng nào?

- A. Phát hiện, khắc phục, hạn chế những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng tội phạm.**
- B. Xác định đúng nguyên nhân, điều kiện của tình trạng tội phạm.
- C. Xác định đúng nguyên nhân điều kiện cấu thành tội phạm.
- D. Xác định đúng chủ trương, biện pháp từng bước xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

Câu 181: Vai trò, trách nhiệm chính của nhà trường trong đấu tranh phòng chống tội phạm?

- A. Kết hợp với các tổ chức, đoàn thể quần chúng phát hiện phòng chống tội phạm.

B. Tuyên truyền giáo dục chương trình quốc gia phòng chống tội phạm cho sinh viên.

C. Kết hợp với lực lượng công an địa phương, phát hiện, đấu tranh xử lý tội phạm.

D. Chủ động nghiên cứu các chủ trương biện pháp để phòng chống tội phạm.

Câu 182: Vai trò, trách nhiệm của Quốc hội trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm:

A. Là cơ quan lập pháp và giám sát.

A. Là cơ quan tư pháp.

B. Là cơ quan hành pháp.

C. Là cơ quan lãnh đạo, điều hành công tác phòng chống tội phạm.

Câu 183: Mục đích của công tác phòng chống tệ nạn xã hội?

A. Từng bước đấu tranh, xử lý ngăn chặn tình trạng của tệ nạn xã hội.

B. Từng bước phát hiện xử lý nghiêm túc, kịp thời các tệ nạn xã hội.

C. Từng bước xây dựng địa bàn trong sạch, lành mạnh không có tệ nạn.

D. Từng bước xoá bỏ dần những nguyên nhân điều kiện của tệ nạn xã hội.

Câu 184: Một trong những mục đích của công tác phòng chống tệ nạn xã hội là:

A. Ngăn ngừa, chặn đứng không để cho tệ nạn xã hội phát sinh, phát triển lan rộng trên địa bàn.

B. Ngăn ngừa, từng bước xoá bỏ những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội.

C. Ngăn ngừa, kết hợp xây dựng đời sống văn hoá, bảo vệ thuần phong mỹ tục của dân tộc.

D. Ngăn ngừa, phát hiện những hành vi hoạt động của bọn tội phạm dẫn đến tệ nạn xã hội.

Câu 185: Một trong những đặc điểm của tệ nạn xã hội:

A. Có mối quan hệ với các hiện tượng tiêu cực khác.

B. Có phương thức hoạt động tinh vi.

C. Có tính lây lan nhanh trong tổ chức.

D. Hoạt động có tổ chức.

Câu 186: Thái độ của em đối với xử với người mắc phải tệ nạn xã hội?

A. Là khinh miệt, mặc cảm, xa lánh, định kiến, lên án, coi thường không cần quan tâm.

B. Là tạo mọi điều kiện để nâng đỡ họ về tinh thần, hỗ trợ về vật chất.

C. Là cảm thông, chia sẻ, động viên an ủi, giúp đỡ họ.

D. Là cảm hoá, giáo dục, cải tạo để họ trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Câu 187: Trong các loại tệ nạn xã hội, tệ nạn nào thường dẫn đến tội phạm nghiêm trọng?

A. Tệ nạn mê tín dị đoan.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

- B. Tệ nạn mại dâm.
- C. Tệ nạn nghiện ma túy.
- D. Tệ nạn cờ bạc.**

Câu 188: Hiện nay, hình thức sử dụng ma túy phổ biến trong giới trẻ ở nước ta là:

- A. Hút, hít ma túy.
- B. Thuốc tiêm, chích thuốc phiện, heroin.
- C. Sử dụng ma túy tổng hợp.**
- D. Tiêm chích ma túy.

Câu 189: Hậu quả và tác hại của tệ nạn mại dâm:

- A. Là trái với chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục lạc hậu
- B. Là phá vỡ hạnh phúc gia đình, tác hại đến nòi giống.
- C. Làm ảnh hưởng đến đạo đức, nhân phẩm, giá trị con người và hạnh phúc gia đình.
- D. Làm xói mòn đạo đức dân tộc, là một trong những nguyên nhân dẫn đến căn bệnh HIV/AIDS.**

Câu 190: Tệ nạn cờ bạc có mối quan hệ như thế nào đối với các loại tệ nạn xã hội dẫn đến tội phạm:

- A. Có quan hệ chặt chẽ với các hành vi và hiện tượng tiêu cực trong xã hội.
- B. Có quan hệ với nhóm tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, ma túy.
- C. Có quan hệ chặt chẽ với tội phạm hình sự và các hiện tượng tiêu cực khác.**
- D. Có quan hệ khép kín, độc lập, ít liên quan tới các tệ nạn xã hội khác.

Câu 191: Hậu quả và tác hại của tệ nạn cờ bạc đối với xã hội, với cộng đồng là:

- A. Gây hậu quả lớn về kinh tế, văn hoá – xã hội và môi trường.
- B. Gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cộng đồng dân cư và ở địa phương.
- C. Gây tác hại lớn cho đời sống xã hội và khó khăn cho công tác giữ gìn trật tự xã hội.**
- D. Gây tổn thất về kinh tế, hạnh phúc gia đình và lây lan trong xã hội.

Câu 192: Em hiểu và phân biệt đâu là mê tín dị đoan:

- A. Đó là thờ cúng tổ tiên, ông bà.
- B. Đó là các lễ hội văn hoá dân tộc, văn hoá tôn giáo.
- C. Đó là cầu cúng, bói toán, đồng bóng.**
- D. Đó là thờ cúng trời – đất – thánh thần.

Câu 193: Chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về phòng chống tệ nạn xã hội:

- A. Nghiêm cấm mọi hình thức hoạt động tệ nạn xã hội, chủ động phòng ngừa không để lây lan.**

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG 2

- B. Phòng ngừa là cơ bản, kết hợp với các chương trình phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội.
- C. Lấy phòng chống từ gia đình, cơ quan, đơn vị, trường học làm cơ sở.
- D. Tất cả A, B, C đều đúng.

Câu 194: Các thể lực thù địch lợi dụng mê tín dị đoan để chống phá Việt Nam, tập trung vào:

- A. Một bộ phận nhân dân có trình độ văn hoá, nhận thức thấp kém, cổ hủ lạc hậu.
- B. Một bộ phận cán bộ, công nhân, viên chức, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh éo le.
- C. Vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng địa bàn xung yếu.
- D. *Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc ít người trình độ nhận thức còn lạc hậu, thấp kém.*

Câu 195: Phòng chống tệ nạn XH là trách nhiệm của chủ thể nào?

- A. *Nhà nước, các tổ chức xã hội, đoàn thể và mọi công dân.*
- B. Cơ quan công an, an ninh nhân dân.
- C. Công an, cảnh sát, gia đình, nhà trường.
- D. Công an, cảnh sát, toà án, viện kiểm soát.

Câu 196: Để phòng ngừa hậu quả của tệ nạn xã hội và tội phạm ở trường lớp, theo em cần:

- A. *Nhận thức rõ hậu quả, không tham gia vào các tệ nạn xã hội dưới bất cứ hình thức nào.*
- B. Nhận thức rõ trách nhiệm, không ngừng học tập và nâng cao tri thức, hiểu biết pháp luật.
- C. Có trách nhiệm phát hiện các tệ nạn xã hội để cùng nhà trường phòng ngừa có hiệu quả.
- D. Có trách nhiệm tự bảo vệ mình, ký kết không tham gia các hoạt động tệ nạn xã hội và tội phạm.

Câu 197: Phương hướng cơ bản nhất trong phòng chống tệ nạn xã hội?

- A. *Phòng ngừa.*
- B. Xử lý nghiêm minh, kịp thời.
- C. Xử lý đúng người, đúng tội.
- D. Kiên quyết đấu tranh dưới mọi hình thức.

Câu 198: Nội dung, yêu cầu phòng chống tệ nạn cờ bạc là:

- A. Kịp thời phát hiện, không để lây lan phát triển gây hậu quả tác hại.
- B. Tiến hành đồng bộ các biện pháp để xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tệ nạn cờ bạc.
- C. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương và các cơ quan để đấu tranh triệt phá.
- D. *Cả A, B, C đều đúng.*

Câu 199: Ý nghĩa chính trị, xã hội của công tác phòng chống tội phạm?

- A. *Giúp giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.***
- B. Trấn áp tội phạm, xây dựng địa phương trong sạch, lành mạnh.
- C. Khắc phục, thủ tiêu những nguyên nhân của tình trạng tội phạm.
- D. Hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại khi tội phạm xảy ra.

Câu 200: Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nằm ở tỉnh nào?

- A. Trường Sa thuộc thành phố Đà Nẵng.
- B. Hoàng Sa thuộc Khánh Hoà.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.**